

Nội dung bài viết

1. [Soan Progress review 1 trang 32, 33 lớp 7 Friends plus](#)

*Soạn Progress review 1 trang 32, 33 lớp 7 Friends plus*

**8 (trang 32 Tiếng Anh 7):** Match the words from A with the clues from B (Nối các từ A với các gợi ý từ B)

A	B
1 conversation	a. A smiley face or a small picture you put in an email
2 card	b. When you talk to somebody on your phone or computer and you can see them
3 landline	c. When you talk to somebody face-to-face
4 letter	d. A short message you send with your mobile
5 text message	e. A symbol like this :) or this :(
6 video chat	f. Something you send to a person on their birthday or a special day
7 symbol	g. A type of phone that isn't a mobile
8 emoji	h. A message you write on some paper and put in an envelope

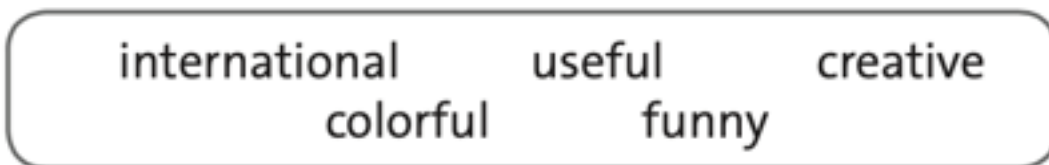
**Đáp án:**

1. c	2. f	3. g	4. h
5. d	6. b	7. e	8. a

**Hướng dẫn dịch:**

1. cuộc trò chuyện = khi bạn nói chuyện trực tiếp với ai đó
2. thẻ = một đi đâu gì đó bạn gửi đến một người vào ngày sinh nhật của họ hoặc một ngày đặc biệt
3. điện thoại cố định = một loại điện thoại không phải là điện thoại di động
4. thư = một tin nhắn bạn viết trên giấy và bỏ vào phong bì
5. tin nhắn văn bản = một tin nhắn ngắn bạn gửi bằng điện thoại di động của mình
6. trò chuyện video = khi bạn nói chuyện với ai đó trên điện thoại hoặc máy tính của mình và bạn có thể nhìn thấy họ
7. biểu tượng = một biểu tượng như thế này :) hoặc thế này :(
8. biểu tượng cảm xúc = một khuôn mặt cười hoặc một bức ảnh nhỏ bạn đưa vào email

**9 (trang 32 Tiếng Anh 7):** Fill the blanks with the words in the box (Điền vào chỗ trống với các từ trong hộp)

**Đáp án:**

1. creative 2. funny 3. international 4. colorful 5. useful

**Hướng dẫn dịch:**

1. Nick là một người rất sáng tạo. Anh ấy thích viết, hát và vẽ.
2. Anh của bạn rất vui tính - Tôi luôn bật cười khi đọc những bài viết của anh ấy trên mạng xã hội.

3. Biểu tượng cảm xúc là một ngôn ngữ quốc tế.
4. Tôi thích những bức ảnh đầy màu sắc. Tôi không thích bức tranh đen trắng.
5. Biểu tượng cảm xúc rất hữu ích. Mọi người truy cập đạt những ý tưởng khác nhau với họ.

**10 (trang 32 Tiếng Anh 7):** Write affirmative (V) or negative (x) sentences using the present continuous. (Viết câu khẳng định (V) hoặc phủ định (x) sử dụng thì hiện tại tiếp diễn.)

**Đáp án:**

1. My cousin is studying English and German.
2. I'm having my lunch.
3. You are not reading your book.
4. Quang and Mai are using video chat.
5. My friend isn't doing that difficult homework.
6. We aren't swimming in the sea.

**Hướng dẫn dịch:**

1. Anh họ của tôi đang học tiếng Anh và tiếng Đức.
2. Tôi đang ăn trưa.
3. Bạn không đọc sách của mình.
4. Quang và Mai đang sử dụng video chat.
5. Bạn của tôi không làm bài tập khó đó.
6. Chúng tôi không bơi ở biển.

**11 (trang 32 Tiếng Anh 7):** Listen to Anna making some phone calls. Match calls 1-6 with situations a-f. (Nghe Anna thực hiện một số cuộc gọi điện thoại. Ghép cuộc gọi từ 1-6 với các tình huống a-f.)

Anna ...

- a.  hasn't got any credit and needs to top up.
- b.  speaks to a different person and needs to call back.
- c.  needs to speak up.
- d.  can't speak to her friend. Her phone is engaged.
- e.  has got the wrong number.
- f.  leaves voicemail.



**Đáp án:**

1. e	2. f	3. d	4. b	5. c	6. a
------	------	------	------	------	------

**Nội dung bài nghe:**

1.

- Hi. Is that Sue? It's Anna here.

- Sue?

- I'm really sorry. I'm afraid I haven't got the right number.

- That's all right. Bye.

2.

- It is Sue here. Sorry I can't answer the phone right now. Please leave me a message after the tape.

- Hi, Sue. I'm calling about the trip to the cinema. Perhaps we can speak later. Bye.

3. I know. I can try Sue's land line. ... Sue, are you there? Oh no, her phone's busy.

4.

- Hi Sue. It's Anna speaking. How are you?

- It isn't Sue. It's her sister, Mary. Sue's having a shower. Can you call back in 15 minutes?

- Okay.

5.

- Hi Sue, it's Anna here.

- Sorry, I can't hear you. Mum's doing the housework. Can you speak up?

- It's me, Anna. Anna.

- Sorry, Hannah? I don't know any Hannahs.

- Oh.

6.

- Hi Sue, it's Anna. That was me just now.

- Was that you? I'm so sorry.

- Listen! I'm calling about the cinema tomorrow.

- Yes. Great! What time do you want to meet? 7:15?

- Sue? Are you there? Oh no, I haven't got any credit. Oh, I need to top up, again.

### **Hướng dẫn dịch:**

1.

- Chào. Đó có phải là Sue không? Anna đây.

- Sue?

- Tôi thực sự xin lỗi. Tôi e rằng tôi nhầm số.

- Không sao đâu. Tạm biệt.

2.

- Đó là Sue đây. Xin lỗi, tôi không thể trả lời điện thoại ngay bây giờ. Vui lòng để lại lời nhắn cho tôi sau đoạn băng.

- Chào Sue. Tôi đang gọi về chuyến đi đến rạp chiếu phim. Có lẽ chúng ta có thể nói sau. Tạm biệt.

3. Tôi biết. Tôi có thể thử đường dây của Sue. ... Sue, bạn có ở đó không? Ồ không, điện thoại của cô ấy đang bận.

4.

- Chào Sue. Anna đang nói đây. Bạn khỏe không?

- Đó không phải là Sue. Đó là em gái của cô ấy, Mary. Sue đang tắm. Bạn có thể gọi lại sau 15 phút không?

- Được chứ.

5.

- Chào Sue, đây là Anna.

- Xin lỗi, tôi không thể nghe thấy bạn. Mẹ đang làm việc nhà. Bạn có thể nói to lên không?

- Là tôi, Anna. Anna.

- Xin lỗi, Hannah? Tôi không biết bất kỳ Hannah nào.

- Ôi!

6.

- Xin chào Sue, tôi là Anna. Vừa rồi là tôi.

- Có phải bạn không? Tôi rất xin lỗi.

- Nghe! Tôi sẽ gọi về rạp chiếu phim vào ngày mai.

- Ừ. Tuyệt quá! Bạn muốn gặp nhau lúc mấy giờ? 7:15?

- Sue? Bạn có ở đó không? Ồ không, tôi không có tín dụng nào cả. Ồ, tôi cần phải nạp tiền một lần nữa.

**12 (trang 33 Tiếng Anh 7):** Complete the sentences using the present simple or present continuous form of the verbs. (Hoàn thành các câu sử dụng thì hiện tại đơn hoặc hiện tại tiếp diễn của động từ.)

**Đáp án:**

1. We **don't have** homework on Tuesdays.
2. Jo and Clare **are doing** the exam now.
3. Where's Ilya? **Is he listening** to some music in his room?
4. I always **go** to bed at 9:30.
5. Hoa is on her laptop now. She **is helping** with the housework.
6. What time **do you start** school every morning?

**Hướng dẫn dịch:**

1. Chúng tôi không có bài tập về nhà vào các ngày Thứ Ba.
2. Jo và Clare đang làm bài kiểm tra bây giờ.
3. Ilya ở đâu? Anh ấy đang nghe nhạc trong phòng của anh ấy à?
4. Tôi luôn đi ngủ lúc 9:30.
5. Hoa is on her laptop now. Cô ấy đang phụ giúp việc nhà.
6. Mấy giờ bạn bắt đầu đi học mỗi sáng?

**13 (trang 33 Tiếng Anh 7):** Complete the phone conversation then practise with your partner (Hoàn thành cuộc trò chuyện qua điện thoại sau đó thực hành với bạn của bạn)

Are you interested?  
How are things?  
Text me when you arrive.  
What time is the match?  
What are you doing?

**Đáp án:**

1. How are things?
2. Are you interested?
3. What are you doing?
4. What time is the match?
5. Text me when you arrive.

**Hướng dẫn dịch:**

Mark: Chào, Andy. Mark đây.

Andy: Ồ, chào! Mọi thứ thế nào?

Mark: Tốt, cảm ơn. Bạn có nhà không?

Andy: Có. Sao vậy?

Mark: Mình đang đi bộ vào tháp với Ben. Chúng mình đang nghĩ đến việc tham dự trận đấu bóng đá đó. Bạn có hứng thú không?

Andy: Mình không thể ngay bây giờ.

Mark: Bạn đang làm gì vậy?

Andy: Không có gì đặc biệt. Mình đang giúp bố tôi lau xe. Trận đấu diễn ra lúc mấy giờ?

Mark: Vào lúc 3:00.

Andy: Ồ, 3,00? Vậy là được rồi. Xe đã g ãn xong rồi.

Mark: OK! Nhắn tin cho mình khi bạn đến nơi.

**14 (trang 33 Tiếng Anh 7):** Put the paragraphs in the correct order (Đặt các đoạn văn theo đúng thứ tự)

**Đáp án:**

E – A – C – B – D



**Hướng dẫn dịch:**

Đây là kết quả khảo sát của chúng tôi về việc luyện thi. Có 26 sinh viên trong lớp nhưng kết quả là từ các cuộc phỏng vấn với 20 người trong số họ.

Trong cuộc khảo sát, hầu như tất cả mọi người đều ôn tập cho kỳ thi của trường vào tuần tới. Tuy nhiên, một vài trong số họ dường như chưa sẵn sàng.

Hầu hết học sinh học hai giờ mỗi đêm, nhưng một số học sinh chỉ học một giờ. Kỳ thi ở trường chúng tôi thường khó hơn những kỳ thi khác. Tuy nhiên, chỉ có một số học sinh trong lớp của chúng tôi cảm thấy lo lắng về chúng. Tại sao? Có thể họ là những học sinh giỏi.

Trong các kỳ thi trước, cả 20 học sinh đều đỗ nhưng chỉ có 6 em đạt điểm cao.

Học sinh có thể giỏi. Tuy nhiên, các em nên cố gắng không chỉ để vượt qua các kỳ thi mà còn phải vượt lên chính mình.